TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và vay nợ chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Liên

Bà Lương Thị Hiền

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và vay nợ chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thanh L1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Triệu Thị K, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn B1, xã X1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn, Có mặt.

2. Bà Nông Thị K1, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn B1, xã X1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn, Có mặt.

3. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn B1, xã X1, huyện V1, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn L trình bày:

Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 kết hôn từ năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống mỗi người khác nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thanh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Trung N, sinh ngày 28/8/2003. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Hoàng Thanh L1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung:

Khi ly hôn anh đồng ý chia đôi các thửa đất sau: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 01, diện tích 477m^2; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 93, diện tích 323,8 m^2; thửa đất số 01, tờ bản số 04, diện tích đo thực tế là 234,2 m^2 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 281, diện tích 359m^2) và thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.058m^2.

Anh yêu cầu được quản lý, sử dụng: thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, diện tích 136m^2 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04, diện tích 421m^2; thửa đất số 08, diện tích 254,3m^2 bao gồm nhà cấp IV có tầng âm, nhà bếp và các công trình phụ; các cây cẩm lai, cây xoài, cây chuối nằm trên các thửa đất này; 01 xe máy Wave, biển kiểm soát 12U1-03107 và 01 chiếc sập gỗ.

- Còn các tài sản trong nhà gồm: 01 bộ bàn ghế, 01 kệ, 01 cuộn dây điện anh để cho chị Hoàng Thanh L1 quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Không có.

*Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, bản bổ sung kê khai tài sản ngày 18/3/2019 và tại phiên tòa chị Hoàng Thanh L1 trình bày:

Về thời gian kết hôn giữa chị và anh Hoàng Văn L đúng như anh Hoàng Văn L đã trình bày, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến cuối năm 2016 anh Hoàng Văn L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có

kết quả, nay chị xác định không níu kéo được nên anh Hoàng Văn L yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một chung tên là Hoàng Trung N, sinh ngày 28/8/2003, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung: Khi ly hôn chị đồng ý với ý kiến của anh Hoàng Văn L là chia đôi các thửa đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 01, diện tích 477m^2; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 93, diện tích 323,8 m^2; thửa đất số 01, tờ bản số 04, diện tích đo thực tế là 234,2 m^2 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 281, diện tích 359m^2) và thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.058m^2. Chị đồng ý để cho anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, diện tích 136m^2 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04, diện tích 421m^2; thửa đất số 08, diện tích 254,3m^2, các cây cẩm lai, cây xoài, cây chuối nằm trên các thửa đất này và 01 chiếc sập gỗ. Còn các tài sản trong nhà gồm 01 bộ bàn ghế, 01 kệ, 01 cuộn dây điện chị Hoàng Thanh L1 yêu cầu được quản lý, sử dụng.

Đối với các tài sản trên thửa đất số 08 gồm nhà cấp IV có tầng âm, nhà bếp, nhà tắm, chuồng trại, giếng nước và các công trình, vật kiến trúc gắn liền với ngôi nhà và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 12U1-03107 chị yêu cầu chia đôi. Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng các tài sản này và có trách nhiệm thanh toán cho chị bằng tiền mặt theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã xác định.

- Về nợ chung: Ngày 13/02/2015 vợ chồng chị nhờ bà Triệu Thị K đứng tên vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay để làm nhà, sau khi vay chị vẫn là người trả tiền lãi hàng tháng. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Hoàng Văn L có trách nhiệm trả 6.000.000 đồng và chị có trách nhiệm trả 6.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng cho bà Triệu Thị K.

- Sau khi ly hôn do chưa có chỗ ở nên chị yêu cầu được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tòa án xét xử sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị K trình bày: Ngày 13/02/2015 khi biết vợ chồng bà có chủ trương vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Văn Quan, vợ chồng anh Hoàng Văn L đã nhờ vợ chồng bà đứng tên vay Ngân hàng số tiền 12.000.000 đồng, mục đích vay về làm nhà. Sau khi vay tiền hàng tháng chị Hoàng Thanh L1 là người trả tiền lãi hàng tháng. Nay vợ chồng ly hôn, bà yêu cầu vợ chồng phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 12.000.000 đồng và tiền lãi để bà trả lại cho Ngân hàng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ trình bày: Đối với diện tích đất anh đã chia cho anh Hoàng Văn L để làm nhà, anh không có ý kiến gì, đối với thửa đất số 50 diện tích 477m^2, thửa đất này do bố mẹ chia cho vợ chồng anh Hoàng Văn L từ năm 2004. Quá trình sử dụng đất anh đã đổi đất

với ông Hoàng Văn Dđể có đường đi lên thửa đất, trong trường hợp vợ chồng anh Hoàng Văn L chia đôi thửa đất này thì phải có trách nhiệm để đường đi vào thửa đất của anh với chiều rộng đường đi là 1,5m.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị K1 trình bày: Sau khi các con lập gia đình và ra ở riêng thì vợ chồng bà đã chia đất cho các con quản lý, sử dụng. Đối với những thửa đất đã chia cho vợ chồng anh Hoàng Văn L khi ly hôn do vợ chồng anh tự quyết định bà không có liên quan gì đến những thửa đất này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 giao cháu Hoàng Trung N, sinh ngày 28/8/2003 cho chị Hoàng Thanh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Anh Hoàng Văn L không phải chịu lãi suất chậm trả.

Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 về việc chia đôi các thửa đất: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 01, diện tích 477m^2; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 93, diện tích 323,8 m^2; thửa đất số 281, diện tích 359m^2 (sau khi đo đạc lại là thửa đất số 01, tờ bản số 04, diện tích là 234,2 m^2) và thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.058m^2.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1, anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, diện tích 136m^2 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04, diện tích 421m^2; các cây cẩm lai, cây xoài, cây chuối nằm trên thửa đất số 35 và 01 chiếc sập gỗ. Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng 01 bộ bàn ghế, 01 kệ và 01 cuộn dây điện.

Đối thửa đất số 08, diện tích 254,3m^2, nhà và các vật kiến trúc khác nằm trên thửa đất số 08, chị Hoàng Thanh L1 đồng ý để cho anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng thửa đất số 08 chỉ yêu cầu chia các tài sản nằm trên thửa đất gồm nhà và các vật kiến trúc khác. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng nhà ở và các vật kiến trúc nằm trên thửa đất số 08, anh Hoàng Văn L có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thanh L1 giá trị bằng tiền tương ứng với công sức mà chị Hoàng Thanh L1 đã đóng góp tạo dựng nên khối tài sản là nhà ở và vật kiến trúc nêu trên.

Về chiếc xe mô tô Wave màu đỏ, đen mang tên Hoàng Văn L là tài sản chung của vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân do đó đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi.

Về nợ chung: Buộc anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người phải có trách nhiệm trả số tiền 6.000.000 đồng và tiền lãi cho bà Triệu Thị K.

Buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Hoàng Thanh L1, cư trú tại Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và vay nợ chung khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai, cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tuy vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Văn L, chị Hoàng Thanh L1 cũng đồng ý vì xác

định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy việcthuận tình ly hôn giữa Hoàng Văn L, chị Hoàng Thanh L1 làhoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1.

[5] Về con chung: Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 có 01 con chung là Hoàng Trung N, sinh ngày 28/8/2003, hiện cháu đang ở với chị Hoàng Thanh L1. Khi ly hôn, chị Hoàng Thanh L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Hoàng Văn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Yêu cầu của chị Hoàng Thanh L1 đưa ra được anh Hoàng Văn L chấp nhận. Xét thấy việc thỏa thuận về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Trung N. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận này của anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1. Anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 thỏa thuận, yêu cầu Tòa án ghi nhận việc chia đôi các thửa đất như sau: Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 01, diện tích 477m^2; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 93, diện tích 323,8 m^2; thửa đất số 01, tờ bản số 4, diện tích đo thực tế là 234,2 m^2 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 281, diện tích 359m^2) và thửa đất số 45, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.058m^2. Anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, diện tích 136m^2 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04, diện tích 421m^2; thửa đất số 08, diện tích 254,3m^2, các cây cẩm lai, cây xoài, cây chuối nằm trên thửa đất số 35 và 01 chiếc sập gỗ. Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng 01 bộ bàn ghế, 01 chiếc kệ và 01 cuộn dây điện. Xét thấy việc thỏa thuận về tài sản giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1.

[7] Đối với 01 xe mô tô Wave, biển kiểm soát 12U1-03107, đăng ký xe mang tên Hoàng Văn L. Đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn L cho rằng đây là tài sản riêng của anh, do anh bỏ tiền ra mua bằng hình thức trả góp nên anh không đồng ý chia, tuy nhiên anh không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy cần xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, anh Hoàng Văn L đang quản lý, sử dụng chiếc xe này, vì vậy cần giao chiếc xe này cho anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng. Anh Hoàng Văn L có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thanh L1 ½ giá trị chiếc xe theo giá Hội đồng định giá đã xác định. Cụ thể giá trị chiếc xe là 5.622.000 đồng : 2 = 2.811.000 đồng.

[8] Đối với yêu cầu của chị Hoàng Thanh L1 yêu cầu chia các tài sản nằm trên thửa đất số 08 gồm: Nhà cấp IV có tầng âm, nhà bếp, nhà tắm, chuồng trại, giếng nước và các công trình, vật kiến trúc gắn liền với ngôi nhà. Xét thấy đây là

các tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, có công sức đóng góp của hai vợ chồng. Anh Hoàng Văn L cho rằng những tài sản này đều do anh tạo dựng, chị Hoàng Thanh L1 không có đóng góp gì nên anh không đồng ý chia, nhưng anh không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố như công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản. Lao động của người vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Đối chiếu với quy định trên thì yêu cầu của chị Hoàng Thanh L1 đưa ra là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên cần xác định anh Hoàng Văn L có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản này. Do vậy anh Hoàng Văn L được hưởng 2/3 tổng giá trị các tài sản, chị Hoàng Thanh L1 được hưởng 1/3 tổng giá trị các tài sản nằm trên thửa đất số 08. Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng các tài sản này và có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thanh L1 bằng tiền mặt theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã xác định là 324.454.000 đồng. Cụ thể: Anh Hoàng Văn L phải thanh toán cho chị Hoàng Thanh L1 giá trị tài sản là 108.152.000 đồng.

[9] Đối với thửa đất số 08 có nguồn gốc do anh Hoàng Văn Đ chia cho anh Hoàng Văn L. Khi ly hôn chị Hoàng Thanh L1 đồng ý để cho anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng thửa đất này. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận này của anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1.

[10] Tổng giá trị tài sản anh Hoàng Văn L được hưởng bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giá Hội đồng định giá xác định là 485.029.000 đồng; tổng giá trị tài sản chị Hoàng Thanh L1 được hưởng là 162.187.000 đồng.

[11] Về nợ chung: Hội đồng xét xử xét thấy khi vay tiền bà Triệu Thị K, vợ chồng anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 là người đến đặt vấn đề, khi đó quan hệ hôn nhân chưa có mâu thuẫn, mục đích vay tiền để xây dựng nhà. Anh Hoàng Văn L cho rằng anh không được sử dụng số tiền này nhưng anh không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Do vậy khi ly hôn buộc anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Triệu Thị K số tiền 6.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền trên.

[12] Về án phí: Anh Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng, án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng. Chị Hoàng Thanh L1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng. Cụ thể: Anh Hoàng Văn L phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng là 23.400.000 đồng (làm tròn số). Tổng số tiền án phí anh Hoàng Văn L phải chịu là 24.000.000 đồng. Anh Hoàng Văn L đã nộp tạm ứng án phí là 2.025.000 đồng, sau khi khấu trừ anh Hoàng Văn L còn phải nộp tiếp 21.975.000 đồng. Chị Hoàng Thanh L1 án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng là 8.109.000

đồng. Chị Hoàng Thanh L1 đã nộp tạm ứng án phí là 6.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ chị Hoàng Thanh L1 còn phải nộp tiếp 2.109.000 đồng.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 đều có yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tại phiên tòa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 đồng ý mỗi người chịu ½ số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ thể mỗi người phải chịu 3.762.500 đồng. Xác nhận anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 đã nộp đủ số tiền trên.

[14] Đối với yêu cầu về quyền lưu cư của chị Hoàng Thanh L1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Đối với yêu cầu của anh Hoàng Văn Đ yêu cầu nếu vợ chồng anh Hoàng Văn L chia đôi thửa đất đất số 50 diện tích 477m^2 thì phải có trách nhiệm để đường đi vào thửa đất của anh Hoàng Văn Đ với chiều rộng đường đi là 1,5m. Trước yêu cầu của anh Hoàng Văn Đ đưa ra được anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 đồng ý, xét thấy yêu cầu của anh Hoàng Văn Đ đưa ra là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27; Điều 30; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Điều 62; Điều 63; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, b, c, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1. Chị Hoàng Thanh L1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục cháu Hoàng Trung N, sinh ngày 28/8/2003 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2019). Anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 như sau:

Anh Hoàng Văn L quản lý, sử dụng thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, diện tích 136m^2 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04, diện tích 421m^2; 04 cây cẩm lai, 01 cây xoài, 25 cây chuối nằm trên các thửa đất số 35; thửa đất số 08, diện tích 254,3m^2 và 01 chiếc sập gỗ.

Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người được quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 50, tờ bản đồ số 01, diện tích 477m^2. Sau khi chia tách thành thửa đất số 126 và thửa đất số 127.

Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng thửa đất số 127, diện tích 227m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 07 đến đoạn số 09 giáp khu vực mộ.

- Phía Đông từ đoạn số 09 đến đoạn số 14 giáp thửa đất số 126 của chị Hoàng Thanh L1.

- Phía Nam từ đoạn số 14 đến đoạn số 4 giáp phần đất làm đường đi.

- Phía Tây từ đoạn số 04 đến đoạn số 07 giáp đất ông Hoàng Văn Đ.

(Có sơ họa kèm theo)

Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 126 (1/2 thửa đất số 50) diện tích 221,6m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 09 đến đoạn số 10 giáp khu vực mộ.

- Phía Đông từ đoạn số 10 đến đoạn số 13 giáp đất ông Hoàng Văn Hiệp.

- Phía Nam từ đoạn số 12 đến đoạn số 14 giáp phần đất làm đường đi.

- Phía Tây từ đoạn số 14 đến đoạn số 09 giáp thửa đất số 127 của anh Hoàng Văn L.

(Có sơ họa kèm theo)

Phần diện tích đất làm đường đi là thửa số 128, diện tích 28,4m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 04 đến đoạn số 14 giáp thửa đất số 127 và đoạn từ 14 đến 13 giáp thửa đất số 126.

- Phía Đông từ đoạn số 13 đến đoạn số 01 giáp đất ông Hoàng Văn Hiệp.

- Phía Nam từ đoạn số 01 đến đoạn số 03 giáp đất ông Hoàng Đức Thái.

- Phía Tây từ đoạn số 03 đến đoạn số 04 giáp đất ông Hoàng Văn Đ.

(Có sơ họa kèm theo)

Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người được quản lý sử dụng ½ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 93, diện tích 323,8 m^2.Sau khi chia tách thành thửa đất số 85 và thửa đất số 86.

Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng thửa đất số 86, diện tích 163,5m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc từ đoạn số 04 đến đoạn số 07 giáp thửa đất số 85 của chị Hoàng Thanh L1.

- Phía Đông Nam từ đoạn số 07 đến đoạn số 08 giáp thửa đất của bà Nông Thị Khén.

- Phía Tây Nam từ đoạn số 08 đến đoạn số 01 giáp thửa đất của bà Mỗ Thị Chi.

- Phía Tây Bắc từ đoạn số 01 đến đoạn số 04 giáp đường đất.

(Có sơ họa kèm theo)

Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 85, diện tích 160,3m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc từ đoạn số 05 đến đoạn số 06 giáp thửa đất của ông Tăng Văn Thoại.

- Phía Đông Nam từ đoạn số 06 đến đoạn số 07 giáp thửa đất của bà Nông Thị Khén.

- Phía Tây Nam từ đoạn số 07 đến đoạn số 04 giáp thửa đất số 86 của anh Hoàng Văn L

- Phía Tây Bắc từ đoạn số 04 đến đoạn số 05 giáp đường đất.

(Có sơ họa kèm theo)

Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người được quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 01, tờ bản số 4, diện tích đo thực tế là 234,2 m^2 (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 281, diện tích 359m^2). Sau khi chia tách thành thửa đất số 388 và thửa đất số 389.

Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng thửa đất số 389, diện tích 117,4m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 03 đến đoạn số 05 giáp đường đất.

- Phía Đông từ đoạn số 05 đến đoạn số 13 giáp thửa đất số 388 của chị Hoàng Thanh L1.

- Phía Nam từ đoạn số 13 đến đoạn số 01 giáp thửa đất của bà Hoàng Thị Luyện.

- Phía Tây từ đoạn số 01 đến đoạn số 03 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn Duy.

(Có sơ họa kèm theo)

Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 388, diện tích 116,8m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 05 đến đoạn số 07 giáp đường đất.

- Phía Đông từ đoạn số 07 đến đoạn số 11 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn Tòa.

- Phía Nam từ đoạn số 11 đến đoạn số 13 giáp thửa đất của bà Hoàng Thị Luyện.

- Phía Tây từ đoạn số 13 đến đoạn số 5 giáp thửa đất số 389 của anh Hoàng Văn L.

Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người được quản lý, sử dụng ½ thửa đất số 45, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.058m^2. Sau khi chia tách thành thửa đất số 74 và thửa đất số 75.

Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng thửa đất số 75, diện tích 530m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 08 đến đoạn số 15 giáp thửa đất số 74 của chị Hoàng Thanh L1.

- Phía Đông từ đoạn số 08 đến đoạn số 05 giáp thửa đất của ông Hoàng Công Khởi.

- Phía Nam từ đoạn số 05 đến đoạn số 01 giáp thửa đất của ông Hoàng Hữu Toại.

- Phía Tây từ đoạn số 01 đến đoạn số 15 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn Thống.

(Có sơ họa kèm theo)

Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng thửa đất số 74, diện tích 528m^2. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc từ đoạn số 13 đến đoạn số 09 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn Luyện.

- Phía Đông từ đoạn số 09 đến đoạn số 08 giáp thửa đất của ông Hoàng Công Khởi.

- Phía Nam từ đoạn số 08 đến đoạn số 15 giáp thửa đất số 75 của anh Hoàng Văn L.

- Phía Tây từ đoạn số 15 đến đoạn số 13 giáp thửa đất của ông Hoàng Văn

Thống.

(Có sơ họa kèm theo)

Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụng01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 12U1-03107 và có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thanh L1 2.811.000 đồng (hai triệu tám trăm mười một nghìn đồng).

Anh Hoàng Văn L được quản lý, sử dụngcác tài sản trên thửa đất số 08 gồm nhà cấp IV có tầng âm, nhà bếp, nhà tắm, chuồng trại, giếng nước và các công trình, vật kiến trúc gắn liền với ngôi nhà và có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thanh L1 108.152.000 đồng (một trăm linh tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Chị Hoàng Thanh L1 được quản lý, sử dụng 01 bộ bàn ghế, 01 chiếc kệ và 01 cuộn dây điện.

4. Về nợ chung: Buộc anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Triệu Thị K số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và tiền lãi cho đến khi trả xong số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Anh Hoàng Văn L phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng là 23.400.000 đồng (làm tròn số). Tổng số tiền án phí anh Hoàng Văn L phải chịu là 24.000.000 đồng (hai mươi tư triệu đồng). Xác nhận anh Hoàng Văn L đã nộp tạm ứng án phí là 2.025.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03879 ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ anh Hoàng Văn L còn phải nộp tiếp 21.975.000 đồng (hai mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Hoàng Thanh L1 án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng là 8.109.000 đồng. Xác nhận chị Hoàng Thanh L1 đã nộp tạm ứng án phí là 6.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03897 ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ chị Hoàng Thanh L1 còn phải nộp tiếp 2.109.000 đồng (hai triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 mỗi người phải chịu 3.762.500 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Xác nhận anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thanh L1 đã nộp đủ số tiền trên.

7. Về quyền lưu cư: Chị Hoàng Thanh L1 được quyền lưu cư với thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Duy